

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 8 - 2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công

2. Bà Nguyễn Thị Ly

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 394/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 182, Tổ 02, ấp PH, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị Kiều L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Dương Thị Kiều L tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến năm 2013 thì đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến giữa năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai không cùng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, chị L không chăm lo cho gia đình; trong cuộc sống, chị L chỉ nghe lời của gia đình chị L mà không tôn trọng ý kiến của anh Q. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, bản thân anh Q cũng đã cho chị L nhiều cơ hội để quay lại và động viên chị L quay về chung sống nhưng không thành do chị L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình hai bên không có động viên, hàn gắn tình cảm cho anh Q và chị L. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh Q yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Q và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Hoài H, sinh ngày 28/12/2009. Hiện nay, con chúng đang sinh sống cùng với chị L, nhận thấy con chung sống với chị L từ nhỏ và phát triển bình thường, ổn định nên anh Q đồng ý cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị Kiều L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Anh Q và chị Dương Thị Kiều L tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài H, sinh ngày 28/12/2009. Vợ chồng chung sống đến giữa năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, chị L không chăm lo cho gia đình, chỉ nghe lời của gia đình chị L mà không tôn trọng ý kiến của anh Q. Mâu thuẫn trở nên gay gắt từ cuối năm 2013 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Q cũng đã cho chị L nhiều cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được; gia đình hai bên không có động viên, hàn gắn tình cảm cho anh Q và chị L. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung, anh Q đồng ý cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh Q không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị Kiều L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q. Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Dương Thị Kiều L. Về con chung, chị Dương Thị Kiều L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài H, sinh ngày 28/12/2009. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chị Dương Thị Kiều L cư trú tại ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang và Biên bản xác minh ngày 21/7/2022, chị Dương Thị Kiều L vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng thường vắng mặt tại địa phương; khi đi, chị L không có trình báo chính quyền địa phương nên nơi cư trú hiện nay của chị L thì địa phương không xác định được. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của chị Dương Thị Kiều L là ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Anh Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Dương Thị Kiều L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Dương Thị Kiều L có nơi cư trú tại ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị Kiều L theo quy định của pháp luật nhưng chị Dương Thị Kiều L vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Tại phiên tòa, chị Dương Thị Kiều L đã được triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị Kiều L.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

##### **[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:**

Anh Nguyễn Văn Q cho rằng, anh Q và chị L do tự tìm hiểu nên tiến đến chung sống như vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang ngày 24/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến giữa năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L không có chăm lo cho gia đình, không tôn

trọng anh Q; trong cuộc thường ngày, chị L chỉ nghe lời gia đình chị L để quyết định các vấn đề phát sinh trong cuộc sống mà không tôn trọng ý kiến của anh Q; mâu thuẫn phát sinh gay gắt từ cuối năm 2013 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình 02 bên cũng không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Q và chị L. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q yêu cầu được ly hôn với chị L.

Xét thấy, anh Nguyễn Văn Q và chị Dương Thị Kiều L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Dương Thị Kiều L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh Q và chị L theo quy định của pháp luật nhưng chị L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện chị Dương Thị Kiều L không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị L nên lời trình bày của anh Q về tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị L là có cơ sở chấp nhận. Nói cách khác, đã có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh Q và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh Q yêu cầu ly hôn chị L phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

#### [2.2] Đối với con chung:

Anh Nguyễn Văn Q xác định anh Q và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Hoài H, sinh ngày 28/12/2009, hiện nay đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh Q đồng ý cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh Q và chị L ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu H theo quy định của pháp luật nhưng do cháu H và chị L vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu H. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của anh Q, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H sinh sống với chị L cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với chị L, cháu H vẫn phát triển bình thường. Để ổn định cuộc sống cho cháu H, giúp cháu H phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Q đồng ý để chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài H khi vợ chồng ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thị Kiều L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Dương Thị Kiều L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Quán.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Dương Thị Kiều L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 208/2013, quyền số 01/2013, ngày 24/9/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn Q và chị Dương Thị Kiều L không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Dương Thị Kiều L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài H, sinh ngày 28/12/2009. Hiện nay đang sống với chị Dương Thị Kiều L.

Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Dương Thị Kiều L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0004745 ngày 14/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Sang**